

Bản án số: 07/2024/HS-ST  
Ngày 07-3-2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Sỹ Thắng; Bà Viên Thị Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Hoan - Thư ký tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2024, đối với bị cáo:

**1. Vũ Văn Tr,** giới tính: Nam, sinh ngày 26 tháng 02 năm 1991; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Vũ Văn S, sinh năm 1960 (Đã chết); con bà: Lê Thị Q, sinh năm 1957; Vợ: Đinh Thị Thuý H, sinh năm 1993; bị cáo có 2 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” từ ngày 19/11/2023 đến ngày 22/11/2023 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Trần Thị D, sinh ngày 27/12/1987; nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)

- Chị Trần Thị D, sinh ngày 16/11/1987; nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)

- Anh Mai Đình L, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt)

- Chị Hoàng Thị A, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bản thân có sẵn nguồn vốn tích lũy từ trước và muốn thu lời bất chính nên từ tháng 3 năm 2023 đến tháng 11/2023, Vũ Văn Tr đã sử dụng tiền cá nhân cho một số người dân vay với lãi suất từ 109%/năm đến 315%/năm, gấp từ 5,45 đến 15,75 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Mỗi khi có khách vay tiền, tùy từng trường hợp Tr sẽ thỏa thuận và thống nhất đưa ra một trong hai hình thức vay: vay trả góp, ấn định số ngày vay (có thể cắt trước hoặc không cắt trước tiền lãi), những ngày tiếp theo người vay tiền sẽ trả dần gốc tiền gốc và tiền lãi cho đến khi hết ngày vay theo thỏa thuận hoặc hình thức thu lãi theo tháng, không ấn định ngày trả tiền gốc, hàng tháng người vay sẽ trả tiền lãi cho Tr cho đến khi trả xong tiền gốc. Cụ thể như sau:

#### **1. Hành vi Vũ Văn Tr cho chị Trần Thị D, sinh ngày 27/12/1987 ở thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa vay tiền.**

- Ngày 16/8/2023, Vũ Văn Tr cho chị D vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) trong thời gian 43 ngày, mỗi ngày chị D phải trả cho Tr 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) bao gồm tiền gốc và tiền lãi. Tổng số tiền lãi của khoản vay chị D phải trả cho Tr trong thời gian 43 ngày là 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng), tương đương mức lãi suất 242,7%/năm, gấp 12,14 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự. Khi cho chị D vay tiền, Tr thu 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền phí làm hồ sơ vay và cắt trước 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền gốc, tiền lãi của 03 ngày đầu tiên. Số tiền còn lại Tr đưa chị D 43.000.000đ (Bốn mươi ba triệu đồng). Đến ngày 27/9/2023, chị D đã trả đủ tiền gốc, tiền lãi vay theo thỏa thuận cho Tr. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, số tiền lãi cao nhất của khoản vay trong thời gian 43 ngày là 1.178.082đ (Một triệu một trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng). Số tiền lãi Tr thu vượt quá quy định là 13.321.918đ (Mười ba triệu ba trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng). Ngoài ra Tr còn thu trái pháp luật 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền phí hồ sơ vay. Tổng số tiền Tr thu lời bất chính là 15.821.918đ (Mười lăm triệu tám trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng).

- Ngày 21/8/2023, Vũ Văn Tr cho chị D vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) thời hạn là 43 ngày, mỗi ngày chị D phải trả cho Tr 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) bao gồm tiền gốc và tiền lãi. Tổng số tiền lãi chị D phải trả cho Tr trong thời gian 43 ngày là 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng), tương đương mức lãi suất 242,79%/năm, gấp 12,14 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Khi cho chị D vay tiền, Tr cắt trước 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng) tiền phí làm hồ sơ vay và thu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền gốc, lãi 02 ngày chị D trả chậm của khoản vay ngày 16/8/2023; số tiền còn lại Tr đưa chị D 41.800.000đ (Bốn mươi một triệu tám

trăm nghìn đồng). Đến ngày 27/9/2023, chị D đã trả đủ tiền gốc, tiền lãi cho Tr. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, số tiền lãi cao nhất của khoản vay này trong thời gian 43 ngày là 1.178.082đ (Một triệu một trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng). Số tiền lãi Tr thu vượt quá quy định là 13.321.918đ (Mười ba triệu ba trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng). Ngoài ra Tr còn thu trái pháp luật 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng) tiền phí hồ sơ vay. Tổng số tiền Tr thu lợi bất chính là 15.521.918đ (Mười lăm triệu năm trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng).

- Ngày 27/9/2023, Vũ Văn Tr cho chị D vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) trong thời gian 32 ngày, mỗi ngày chị D phải trả cho Tr 2.000.000đ (Hai triệu đồng) bao gồm tiền gốc và tiền lãi. Tổng số tiền lãi của khoản vay chị D phải trả cho Tr trong thời gian 32 ngày là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng), tương đương mức lãi suất 315%/năm, gấp 15,75 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Khi cho chị D vay tiền, Tr cắt trước 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền phí làm hồ sơ vay, đồng thời Tr thu 29.500.000đ (Hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) tổng số tiền gốc, tiền lãi chị D còn nợ của khoản vay ngày 16/8/2023 và ngày 21/8/2023; số tiền còn lại Tr đưa chị D 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng). Đến ngày 28/10/2023, chị D đã trả đủ tiền gốc, tiền lãi của khoản vay này cho Tr; chị D và Tr đã thanh toán xong khoản nợ. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, số tiền lãi cao nhất của khoản vay này trong thời gian 32 ngày là 876.712đ (Tám trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng). Số tiền lãi Tr thu vượt quá quy định là 13.123.288đ (Mười ba triệu một trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng), ngoài ra, Tr còn thu trái pháp luật 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền phí hồ sơ vay. Tổng số tiền Tr thu lợi bất chính và phải chịu trách nhiệm hình sự là 15.623.288đ (Mười lăm triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng),

Như vậy, tổng số tiền Vũ Văn Tr cho chị Trần Thị D vay 03 (ba) lần là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), chị D phải trả cho Tr 43.000.000đ (Bốn mươi ba triệu đồng) tiền lãi của tất cả các khoản vay và 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng) tiền phí hồ sơ vay. Tổng số tiền lãi cao nhất theo quy định của BLDS đối với 03 (ba) khoản vay của chị D là 3.232.877đ (Ba triệu hai trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng). Tổng số tiền Vũ Văn Tr thu lợi bất chính và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 03 khoản vay của chị D là 46.967.123 đ (Bốn mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba đồng).

## **2. Hành vi Vũ Văn Tr cho chị Trần Thị D sinh ngày 16/11/1987 ở thôn H, xã Q, huyện Q vay tiền**

- Ngày 16/8/2023, Vũ Văn Tr cho chị Trần Thị D vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) theo hình thức vay thặng (trả góp) trong thời gian 43 ngày, mỗi ngày chị D phải trả cho Tr 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) bao gồm tiền gốc và lãi. Tổng số tiền lãi của khoản vay chị D phải trả cho Tr là 5.800.000đ (Năm triệu tám trăm nghìn đồng), tương đương mức lãi suất 242,79%/năm, gấp 12,14 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Khi cho chị D vay tiền, Tr cắt trước

2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền phí làm hồ sơ vay tiền, số tiền còn lại Tr đưa chị D 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng). Tính đến ngày 22/8/2023, chị D đã trả cho Tr 06 ngày tiền gốc và tiền lãi với tổng số tiền là 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Sau đó do khó khăn nên từ đó đến nay chị D chưa trả thêm cho Tr khoản tiền nào, hiện chị D đang còn nợ Tr 37 ngày tiền gốc, tiền lãi với tổng số tiền là 22.200.000đ (17.209.302 đồng tiền gốc và 4.990.698 đồng tiền lãi). Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, số tiền lãi cao nhất của khoản vay này trong thời gian 43 ngày là 471.233đ (Bốn trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng). Số tiền lãi Tr nhằm thu vượt quá quy định là 5.328.767đ (Năm triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng), ngoài ra Tr còn thu trái pháp luật 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền phí hồ sơ vay. Tổng số tiền Tr nhằm thu lời bất chính và phải chịu trách nhiệm hình sự là 7.328.767đ (Bảy triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

**3. Hành vi Vũ Văn Tr cho anh Mai Đình L, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện Q vay tiền:**

Ngày 11/3/2023, Vũ Văn Tr cho anh Mai Đình L vay 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), không ấn định thời hạn trả tiền gốc. Hàng tháng anh L phải trả cho Tr 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi, tương đương 112,50%/năm, gấp 5,63 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Đến ngày 25/9/2023, anh L đã trả đủ cho Tr 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) nợ gốc và 06 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng). Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, số tiền lãi cao nhất của khoản vay trong thời gian 06 (sáu) tháng là 7.890.411đ (Bảy triệu tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng). Số tiền Vũ Văn Tr thu lời bất chính là 37.109.589đ (Ba mươi bảy triệu một trăm linh chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng).

**4. Hành vi Vũ Văn Tr cho chị Hoàng Thị A sinh năm 1977 ở thôn M, xã Q, huyện Q vay tiền**

Ngày 08/9/2023, Vũ Văn Tr cho chị Hoàng Thị A vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) theo hình thức vay thặng (trả góp) trong thời gian 33 ngày, chị A phải trả cho Tr 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền lãi của khoản vay, tương đương 109,09%/năm, gấp 5,45 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Khi cho chị A vay tiền Tr cắt trước 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền lãi và 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền gốc của ngày đầu tiên; số tiền còn lại Tr đưa chị A 25.800.000đ (Hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng). Sau đó mỗi ngày chị A phải trả cho Tr 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) tiền gốc trong thời gian 32 ngày. Đến ngày 10/10/2023, chị A đã trả đủ cho Tr toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, số tiền lãi cao nhất của khoản vay này trong thời gian 33 ngày là 542.466đ (Năm trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng). Số tiền Tr thu lời bất chính là 2.457.534đ (Hai triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi tư đồng).

Như vậy, tổng số tiền Vũ Văn Tr cho 04 người vay trên theo thỏa thuận là 280.000.000đ . Thực tế Tr chỉ sử dụng số tiền gốc là **208.600.000** đồng để xoay

vòng cho **các khách** vay. Tổng số tiền lãi, tiền phí hồ sơ những người vay trên phải trả cho Tr theo thoả thuận là **106.000.000đ** (Một trăm linh sáu triệu đồng). Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền lãi cao nhất của tất cả các khoản vay này là **12.136.986đ** (Mười hai triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng). Tổng số tiền lãi vượt quá quy định và các khoản thu trái pháp luật (phí hồ sơ) Tr thu lợi bất chính đối với các khoản vay của 04 người vay trên là 93.863.014đ (Chín mươi ba triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng).

**Tại phiên tòa**, Vũ Văn Tr đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác trong vụ án.

Cáo trạng số: 10/CTr-VKSQX, ngày 25/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương Xương, tỉnh Thanh Hoá truy tố Vũ Văn Tr về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Văn Trương phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Vũ Văn Tr từ 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng đến 85.000.000 (Tám mươi lăm triệu) đồng.

Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS, đề nghị:

- Đối với số tiền gốc là 208.600.000 đồng Vũ Văn Tr cho khách vay là công cụ phạm tội nên cần tịch thu xung công quỹ Nhà nước. Trong đó tịch thu của Vũ Văn Tr số tiền 191.390.698 đồng là tiền các người vay đã trả cho Tr và tịch thu của chị Trần Thị D sinh ngày 16/11/1987 ở thôn H, xã Q, huyện Q 17.209.302 đồng là số tiền gốc chị D còn nợ của Tr.

- Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm được quy định tại Điều 468 BLDS mà bị cáo đã thu của các người vay là **12.136.986đ** cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền thu lời bất chính (bao gồm tiền lãi vượt quá mức được quy định trong BLDS và phí hồ sơ) mà bị cáo thực tế đã thu của những người vay là **89.277.795đ** gồm: của chị Trần Thị D, sinh ngày 27/12/1987 ở thôn H, xã Q, huyện Q là 46.967.123đ; của chị Trần Thị D, sinh ngày 16/11/1987 ở thôn H, xã Q, huyện Q là 2.743.549đ; của anh Mai Đình L là 37.109.589đ; của chị Hoàng Thị A là 2.457.534đ.

Buộc Tr phải trả lại cho chị Trần Thị D, sinh ngày 27/12/1987 ở thôn H, xã Q, huyện Q 46.967.123đ; trả lại cho chị Trần Thị D, sinh ngày 16/11/1987 ở thôn

H, xã Q, huyện Q là 2.743.549đ. Đối với khoản tiền lãi Tr thu của anh L, chị A do anh L và chị A không yêu cầu Tr phải trả lại nên không xem xét.

- Đối với 04 (bốn) tờ giấy ghi nội dung thông tin về các khách vay tiền là tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

+ Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật,

Phản tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tự bào chữa, tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố. Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo qui định của pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng.

[2] Về việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị D sinh ngày: 27/12/1987 ở thôn H, xã Q, huyện Q; chị Trần Thị D sinh ngày: 16/11/1987 ở thôn H, xã Q, huyện Q; anh Mai Đình L; chị Hoàng Thị A tại phiên tòa: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hồ sơ vụ án đã có đủ lời khai cần thiết cho việc xét xử vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về chứng cứ xác định tội phạm:

Trong thời gian từ tháng 3 năm 2023 đến tháng 11/2023, Vũ Văn Tr đã sử dụng số tiền **208.600.000đ** (Hai trăm linh tám triệu sáu trăm nghìn đồng) cho 04 người dân vay tiền với lãi suất từ 109%/năm đến 315%/năm, gấp từ 5,45 đến 15,75 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính là **93.863.014đ** (Chín mươi ba triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng).

Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201- BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo không bổ sung thêm tình tiết gì làm thay đổi nội dung vụ án.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ tài liệu khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án; Phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa. Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương truy tố bị cáo về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của BLHS là

đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vũ Văn Tr phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

*[4]. Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:*

Đây là vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, bị cáo đã lợi dụng nhu cầu cần vay tiền của một số người dân một cách nhanh nhất, không cần thế chấp tài sản, thủ tục đơn giản đã cho vay tiền với lãi suất cao từ 109%/năm đến 315%/năm, gấp từ 5,45 đến 15,75 lần mức lãi suất tối đa quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 93.863.014đ (Chín mươi ba triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng). Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm lợi ích hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, vì vậy cần phải xử lý nghiêm theo pháp luật Hình sự.

*[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

+ Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đầu thú nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 - BLHS.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhân thân tốt; ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, chưa bị kết án hay bị xử phạt vi phạm hành chính, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo là phù hợp.

*[6]. Về các biện pháp tư pháp:*

- *Đối với các khoản nợ gốc:* Tổng số tiền **208.600.000đ** (Hai trăm linh tám triệu sáu trăm nghìn) đồng, Vũ Văn Tr sử dụng cho 4 người vay là tiền sử dụng vào phương tiện phạm tội nên cần tịch thu xung công quỹ Nhà nước. Trong đó, tịch thu của Vũ Văn Tr **191.390.698** đồng là tiền gốc người vay đã trả cho Tr; Tịch thu của chị Trần Thị D sinh ngày: 16/11/1987 ở thôn H, xã Q, huyện Q là 17.209.302 đồng là số tiền gốc chị D còn nợ của Tr.

- *Đối với tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất BLDS quy định:* Tổng số tiền **12.136.986** đồng là tiền lãi Tr thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ Luật Dân sự, tuy không xác định truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu của Vũ Văn Tr để sung quỹ Nhà nước.

- *Đối với số tiền thu lời bất chính Vũ Văn Tr đã thu của người vay là **89.277.795** đồng, gồm: Thu của Chị Trần Thị D (sinh ngày: 27/12/1987) là 46.967.123 đồng; thu của chị Trần Thị D (sinh ngày: 16/11/1987) là 2.743.549*

đồng; thu của anh Mai Đình L là 37.109.589 đồng; thu của chị Hoàng Thị A là 2.457.534 đồng. Quá trình điều tra xác định chị Trần Thị D (sinh ngày: 27/12/1987) và chị Trần Thị D (sinh ngày: 16/11/1987) vay tiền của Tr sử dụng vào mục đích hợp pháp, do vậy cần buộc Vũ Văn Tr phải trả lại số tiền lãi vượt quá mức theo quy định của Bộ luật Dân sự cho hai chị là đúng quy định của pháp luật. Đối với số tiền lãi Tr thu của anh L và chị A vượt quá quy định của Bộ luật dân sự, anh L, chị A không yêu cầu Trường phải trả lại số tiền trên nên không xem xét.

[7]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; khoản 1,2 Điều 47 - BLHS. Điểm b khoản 2 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS. Điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Mục 1, Phần I Danh mục án phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn Tr phạm tội: *“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”*

Xử phạt: Vũ Văn Tr 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng.

- *Về các biện pháp tư pháp*:

+ Truy thu sung công quỹ Nhà nước của Vũ Văn Tr 203.527.684 (Hai trăm lẻ ba triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, sáu trăm tám mươi bốn) đồng. Trong đó: 191.390.698 (Một trăm chín mươi một triệu, ba trăm chín mươi nghìn, sáu trăm chín mươi tám) đồng là tiền gốc Tr cho vay và **12.136.986** (Mười hai triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu) đồng là tiền lãi Tr thu được tương ứng với mức lãi suất của BLDS quy định.

+ Truy thu sung công quỹ Nhà nước của chị Trần Thị D (sinh ngày: 16/11/1987) số tiền 17.209.302 (Mười bảy triệu hai trăm lẻ chín nghìn ba trăm lẻ hai) đồng, là tiền gốc chị D vay của Tr chưa trả.

+ *Buộc Vũ Văn Tr phải trả lại số tiền lãi thu lãi vượt quá mức quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự gồm*: Trả cho chị Trần Thị D (sinh ngày 27/12/1987) = 46.967.123 (Bốn mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba) đồng; trả cho chị Trần Thị D (sinh ngày 16/11/1987) = 2.743.549 (Hai triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi chín) đồng.

Đối với số tiền lãi Tr thu vượt quá mức quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự của anh Mai Đình L là 37.109.589 đồng và chị Hoàng Thị A là 2.457.534 đồng. Anh L, chị A không yêu cầu Tr phải trả lại số tiền trên nên không xem xét.

\* *Về án phí*: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự.

*\* Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 - BLTTHS.*

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- VKS huyện Quảng Xương;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Quảng Xương;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H Quảng Xương;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Lê Thị Dung**